

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông

2. Ông Đỗ Thanh Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm

Ngày 08/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 167, tổ 5, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- **Bị đơn:** Anh Phan Khánh L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 209, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

(chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Phan Khánh L chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/8/2016. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiểm chuyện gây gổ, chửi bới xúc phạm chị. Anh L còn nhiều lần đánh đập, hành hung chị N và hăm dọa sẽ giết cả gia đình chị. Anh chị đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh L nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Phan Khánh L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bản công việc nên chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Phan Khánh L đến để tiến hành hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Phan Khánh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Phan Khánh L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn*”.

- Bị đơn anh Phan Khánh L hiện đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

- Bị đơn anh Phan Khánh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phan Khánh L chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/8/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị N cho rằng anh L ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiểm chuyện gây gổ, chửi bới xúc phạm chị. Anh L còn nhiều lần đánh đập, hành hung chị N và hăm dọa sẽ giết cả gia đình chị. Anh chị đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh L, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh L tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L đã không đến Tòa án và cũng không có

gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Qua đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; anh L có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phan Khánh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N đối với bị đơn anh Phan Khánh L, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Phan Khánh L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009199 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phan Khánh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương